

Bản án số: **31/2019/HS-PT**

Ngày 29-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương và bà Phạm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Thọ H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Thọ H, sinh năm 1985, tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Số nhà 18A, tổ 33, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định gia hạn đình chỉ số 65-QĐ/UBKT ngày 01/3/2019 của UBKT Huyện ủy T); con ông Vũ Xuân C và bà Đỗ Thị P (đã chết); có vợ Phan Thị Huyền T và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/7/2011 Công an phường P, huyện T ra Quyết định số 36/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, phạt tiền 750.000 đồng (đã chấp hành ngày 15/7/2011).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 05/11/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 33, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Trần Minh Đ, sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Số nhà 40, tổ 33, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Q và bà Trần Thị B; có vợ Bùi Thị L và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 05/11/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 33, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Nguyễn Anh T, sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 20, phường M, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt A và bà Đỗ Thùy D; có vợ Nguyễn Thị Ngọc D và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/02/2017 Công an huyện T ra Quyết định số 82/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, phạt tiền 200.000đồng (đã chấp hành ngày 24/02/2017).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 29/10/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 20, phường M, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

4. Lê Tài Phúc T1, sinh năm 1984 tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Số nhà 26, tổ 19, phường M, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Giáo viên (đã bị đình chỉ công tác); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng T và bà Đỗ Thị H; có vợ Phạm Thị Hồng D và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/2018 đến ngày 28/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 19, phường M, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

5. Đặng Ngọc T2, sinh năm 1990 tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 21, phường T (nay là Tổ 15 phường T), huyện T tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc H (đã chết) và bà Đỗ Thị N; có vợ Nguyễn Thị Lan H và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2018 đến ngày 20/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 21, phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Đỗ Xuân B, sinh năm 1987 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Phan Thị C; có vợ Nông Thị N và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/10/2016 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 188/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng (đã chấp hành ngày 02/11/2016).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 17/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

7. Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1984 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ Ninh Thị Thanh H và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

8. Bùi Mạnh T4, sinh năm 1981 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Số nhà 18, Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Mạnh A (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ Trần Thị B và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2014 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 14/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua số đề trái phép, phạt tiền 350.000 đồng (đã chấp hành ngày 17/01/2014).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

9. Hoàng Quốc P, sinh năm 1987 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn A, xã Tân An, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng P (đã chết) và bà Lò Thị P; có vợ Đinh Thị Hồng N và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn A, xã Tân An, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

10. Trần Mạnh T5, sinh năm 1992 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu hành chính Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu N và bà Lê Thị Q; vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 04/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Khu hành chính Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt tại phiên tòa*).

11. Trương Quang V, sinh năm 1990 tại huyện T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Xóm 2 (nay là Xóm 1), xã T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang K (đã chết) và bà Vũ Thị H; có vợ Nguyễn Thị Hoài T (đã ly hôn) và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/3/2017 Công an huyện T ra Quyết định số 144/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, tịch thu sung quỹ nhà nước 145.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2018 đến ngày 27/9/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm 2 (nay là Xóm 1), xã T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

12. Trần Quang T7, sinh năm 1964 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Hoàng Thị M (đều đã chết); có vợ Ngô Thị L và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/8/2013 Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 109/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành xong ngày 27/8/2013).

- Ngày 21/5/2014 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 106/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng (đã chấp hành xong ngày 23/5/2014).

- Ngày 13/5/2015 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 67/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng (đã chấp hành xong ngày 19/5/2015).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn V, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

13. Nguyễn Văn B2, sinh năm 1977 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ Bùi Thị T và có 04 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/11/2013 Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 142/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000đồng (đã chấp hành xong ngày 15/11/2013).

- Ngày 13/5/2015 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 66/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000đồng (đã chấp hành xong ngày 19/5/2015).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn C, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 bị cáo khác và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1, Bùi Hoàng A, Nguyễn Tân Q và Đặng Ngọc T2 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép với nhiều người qua điện thoại di động và thỏa thuận nếu thắng bạc thì được hưởng, thua bạc thì phải chịu theo tỷ lệ thỏa thuận: H 39%; Đ 10%; T 11%; T1 11%; A 10%; Q 10%; T2 9%; số % này được tính trên tổng số tiền sau khi tổng hợp đã tính thắng, thua hàng ngày. H là người chia tỷ lệ % cho mọi người; Đ là người trực tiếp thực hiện sử dụng điện thoại di động, có cài đặt phần mềm lotopro (phần mềm do Đ mua trên mạng Internet tải về cài vào điện thoại di động của Đ) để mua, bán số lô, số đề trái phép (nhận bảng đề) hàng ngày và thanh toán tiền với các đối tượng mua số lô, số đề. Phần mềm lotopro sẽ tự động tổng hợp các số lô, số đề và số tiền đã mua, bán trong ngày, tính số tiền trúng thưởng, số tiền thắng, thua của từng người mua lô, đề. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, Đ tổng hợp lại số tiền của từng người đã mua số lô, số đề với Đ, số tiền trúng thưởng của từng người đánh đề để chuyển tin nhắn qua điện thoại di động cho H tính số tiền thắng, thua. Sau đó, H chuyển lại cho Đ để thanh toán

cho những người đánh trúng số lô, số đề. Hàng tuần, H giúp Đ tổng hợp số tiền thắng, thua từ việc làm chủ lô, đề để Đ thanh toán với T, T1, A, Q, T2.

H, Đ, T, T1, A, Q, T2 đã nhiều lần ăn, chia tiền từ việc mua, bán số lô, số đề. Quá trình điều tra đã xác định, từ 18/6/2018 đến 09/7/2018, các bị cáo đã thắng bạc được 210.260.000đồng (Hai trăm mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền này, Đ đã chia cho các bị cáo theo tỷ lệ đã thoả thuận như sau: H 39% = 82.020.000đồng (số tiền này Đ chưa thanh toán cho H); Đ 10% = 21.030.000đồng; T 11% = 23.130.000đồng; T1 11% = 23.130.000đồng; Hoàng A 10% = 21.030.000đồng; Q 10% = 21.030.000đồng; T2 9% = 18.920.000đồng. Số tiền thắng bạc, thua bạc của những ngày khác không xác định được do các bị cáo đã xoá hết các thông tin liên quan đến việc chia tiền, các bị cáo cũng không nhớ cụ thể số tiền được chia mỗi lần là bao nhiêu.

Từ ngày 10/7/2018 đến ngày 12/7/2018, do Đ bận việc gia đình nên nhờ Nguyễn Văn D đến giúp Đ thực hiện việc mua bán số lô, số đề bằng hình thức sử dụng điện thoại di động của Đ để nhận bảng lô, đề với các đối tượng: Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Đinh Trọng B1, Nguyễn Việt H1, Diu Văn T6, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2, Hoàng Đức L và Nguyễn Tiến G bằng hình thức gửi tin nhắn trên điện thoại di động, nội dung các tin nhắn có các số lô, đề và số tiền cụ thể mua cho từng số. Những người mua bán số lô, số đề đã thoả thuận với nhau về hình thức đánh bạc là căn cứ vào kết quả mở thưởng xổ số Miền Bắc hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày để trả tiền khi người mua trúng số lô, số đề cụ thể như sau:

- Đánh số đề (mua số đề) là người đánh tự chọn hai số từ số 00 đến 99, đánh với mức tiền bao nhiêu tùy ý; khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu hai số của người đánh trùng với hai số cuối của giải đặc biệt, thì người đánh trúng số (thắng bạc) và được trả gấp 70 lần số tiền đã đánh bạc.

- Đánh đầu, đít (mua số đầu, số đít) là người đánh tự chọn một trong các số đầu, đít từ 00 đến 99, mỗi đầu, đít có 10 cặp số, đánh với mức tiền bao nhiêu tùy ý; khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu hai số cuối của giải đặc biệt trùng hai số của một trong 10 cặp số trên, thì người đánh trúng số.

- Đánh số 3 càng, 4 càng (mua số 3 càng, 4 càng) là người đánh tự chọn một số có ba chữ số, bốn chữ số, đánh với mức tiền bao nhiêu tùy ý; khi có kết quả mở thưởng xổ số Miền Bắc, nếu số của người đánh trùng với ba hoặc bốn số của giải đặc biệt thì người đánh trúng số; mức trả khi người đánh trúng số ba càng trả gấp 350 lần, bốn càng trả gấp 500 lần tương ứng với số tiền đánh bạc.

- Đánh lô điểm (mua lô điểm) người đánh tự chọn các số từ 00 đến 99 với mức tiền 21.700đ/1điểm. Khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu hai số của người đánh trùng với hai số của bất kỳ giải nào trong các giải thì người đánh

trúng số lô (thắng bạc) và được trả 80.000đ/1 điểm lô. Nếu cặp số của người đánh trùng với hai số ở nhiều giải, thì được trả tương ứng với số lần trùng số (trùng số hai lần thì nhân gấp hai lần, trùng số ba lần thì nhân gấp ba lần...).

- Đánh lô xiên (mua lô xiên) gồm có xiên 2, xiên 3, xiên 4. Người đánh tự chọn cặp 2 số, cặp 3 số, cặp 4 số; mức tiền đánh cho các cặp số tùy ý, khi có kết quả mở thưởng xổ số Miền Bắc, trên bảng kết quả từ các giải đặc biệt đến giải bảy (có 27 số) có các cặp số trùng với cặp số của người đánh, thì người đánh trúng số; mức trả khi người đánh trúng số xiên 2 trả gấp 10 lần, xiên 3 trả gấp 40 lần, xiên 4 trả gấp 100 lần tương ứng với số tiền đánh bạc.

Đến hồi 17 giờ ngày 13/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T thực hiện việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn D, hồi 18 giờ cùng ngày thực hiện việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Minh Đ. Quá trình bắt giữ đã thu giữ 03 điện thoại di động của Duy có chứa nhiều tin nhắn mua, bán số lô, số đề.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, đã xác định được hành vi đánh bạc của từng người cụ thể như sau:

1. Trần Minh Đ là người trực tiếp tổ chức đánh bạc (Nguyễn Văn D là người giúp sức cho Đ) đã mua, bán số lô, số đề trái phép với:

Đỗ Xuân B số tiền 194.365.800đồng + số tiền trúng số 224.890.000đồng = 419.255.800đồng;

Nguyễn Hữu T3 số tiền 140.430.000đồng + số tiền trúng số 154.000.000đồng = 294.430.000đồng;

Hoàng Quốc P số tiền 54.540.000đồng + số tiền trúng số 51.900.000đồng = 106.440.000đồng;

Trần Mạnh T5 số tiền 63.644.900đồng + số tiền trúng số 30.040.000đồng = 93.684.900đồng;

Trương Quang V số tiền 31.030.100đồng + số tiền trúng số 37.410.000đồng = 68.440.100đồng;

Đình Trọng B1 số tiền 32.580.000đồng + số tiền trúng số 32.000.000đồng = 64.580.000đồng;

Nguyễn Việt H1 số tiền 28.500.000đồng;

Dìu Văn T6 số tiền 12.769.000đồng + số tiền trúng số 7.200.000 đồng = 19.969.000đồng;

Hoàng Đức L số tiền 990.000đồng + số tiền trúng số 1.400.000đồng = 2.390.000đồng;

Nguyễn Tiến G số tiền 317.000đồng.

Tổng số tiền Đ đánh bạc (mua bán số lô, số đề) trái phép là 1.098.006.800đồng.

2. Đỗ Xuân B dùng điện thoại di động số 01638.054.416 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 237 số = 37.522.000đồng.
 - Lô điểm: 159 số = 7.114 điểm x 21.700 đồng/1 điểm = 154.373.800đồng.
 - Ba càng: 19 số = 1.940.000đồng.
 - Lô xiên 3, lô xiên 4: 15 số = 530.000đồng.
- Tổng số là 194.365.800đồng.

B trúng số đề 65 với số tiền 36.330.000 đồng; trúng số lô 01, 07, 08, 16, 19, 21, 27, 33, 36, 39, 42, 50, 53, 62, 65, 74, 77, 78, 82, 83, 91, 93, 98 với số tiền là 188.560.000đồng.

Như vậy tổng số tiền B đánh bạc với Đ là 194.365.800đồng + 36.330.000đồng + 188.560.000đồng = 419.255.800đồng (Trong đó có 13.186.000đồng của bị cáo Trần Quang T7 và 5.290.000đồng của bị cáo Nguyễn Văn B2, mua số lô, số đề với B, sau đó B chuyển số và tiền đánh với Đ).

3. Nguyễn Hữu T3 là người thuê Bùi Mạnh T4 với số tiền là 2.000.000đồng/tháng để T4 giúp sức cho T3 đánh bạc với Đ bằng hình thức sử dụng điện thoại di động số 0962.668.913 của T3 để tổng hợp các số lô, số đề; sau đó gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để mua bán số lô, số đề trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 397 số = 15.620.000đồng.
 - Lô điểm: 190 số = 5.600 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 121.520.000đồng.
 - Ba càng: 03 số = 200.000đồng.
 - Lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4: 58 số = 3.090.000đồng.
- Tổng số là 140.430.000đồng.

Tiền trúng số đề 65 với số tiền 22.400.000đồng; trúng số lô xiên 2: 83, 91 với số tiền 2.000.000đồng; trúng số lô: 01, 08, 10, 16, 27, 33, 36, 39, 42, 50, 53, 60, 74, 77, 78, 82, 83, 91, 93, 98 với số tiền là 129.600.000đồng.

Như vậy tổng số tiền T3 đánh bạc với Đ là 140.430.000đồng + 22.400.000đồng + 2.000.000đồng + 129.600.000đồng = 294.430.000đồng.

4. Bùi Mạnh T4 là người được Nguyễn Hữu T3 thuê với số tiền là 2.000.000đồng/tháng để T4 giúp sức cho T3 bằng hình thức sử dụng điện thoại di động số 0962.668.913 của T3 để tổng hợp các số lô, số đề; sau đó gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để mua bán số lô, số đề trái phép với Đ.

Tổng số tiền T4 giúp sức cho T3 đánh bạc với Đ là 294.430.000đồng.

5. Hoàng Quốc P dùng điện thoại di động số 01638.696.179 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 103 số = 9.510.000đồng.
- Lô điểm: 13 số = 1.800 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 39.060.000đồng.
- Ba càng: 63 số = 2.870.000đồng.
- Lô xiên 2, lô xiên 3: 09 số = 3.100.000đồng.

Tổng số là 54.540.000đồng.

P trúng số đề 65 với số tiền 17.500.000đồng; trúng số lô 01, 19, 74, 98 với số tiền là 34.400.000đồng.

Như vậy tổng số tiền Phong đánh bạc với Đức là 54.540.000đồng + 17.500.000đồng + 34.400.000đồng = 106.440.000đồng (trong đó có 80.000đồng của Hà Thị H2 trú tại thôn T, xã T, huyện C mua số đề với P, sau đó P chuyển số và tiền đánh với Đ).

6. Trần Mạnh T5 dùng điện thoại di động số 0967.083.175 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua, bán số lô, số đề) trái phép với Đ, đồng thời Đ cũng gửi tin nhắn để đánh bạc với T5, cụ thể:

*** T5 mua, bán số lô, số đề trái phép với Đ:**

- Ba càng: 20 số = 2.930.000đồng.
- Bốn càng: 02 số = 820.000đồng.
- Xiên 3: 06 số = 1.000.000đồng.

Tổng số là 4.750.000đồng. T5 không trúng số.

*** Đ mua, bán số lô, số đề trái phép với T5:**

- Số đề: 102 số = 54.054.000đồng.
- Lô điểm: 04 số = 177 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 3.840.900đồng.
- Lô xiên: 02 số = 1.000.000đồng.

Tổng số là 58.894.900đồng.

Đ trúng số đề 65 với số tiền 21.560.000đồng; trúng số lô 14, 98 với số tiền là 8.480.000đồng.

Như vậy tổng số tiền T5 và Đ đánh bạc với nhau là 4.750.000đồng + 58.894.900đồng + 21.560.000đồng + 8.480.000đồng = 93.684.900đồng.

7. Trương Quang V dùng điện thoại di động số 0961.288.737 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua, bán số lô, số đề) trái phép với Đ, đồng thời Đ cũng gửi tin nhắn để đánh bạc với V, cụ thể:

*** V mua, bán số lô, số đề trái phép với Đ:**

- Số đề: 50 số = 3.795.000đồng.
 - Lô điểm: 02 số = 216 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 4.687.200đồng.
- Tổng số là 8.482.200đồng.

V trúng số lô 53 với số tiền là 16.000.000đồng.

*** Đ mua, bán số lô, số đề với V:**

- Số đề: 50 số = 14.150.000đồng.

- Lô điểm: 03 số = 387 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 8.397.900đồng.

Tổng số là 22.547.900đồng.

Đ trúng số đề 65 với số tiền 19.810.000đồng; trúng số lô 65, 98 với số tiền là 1.600.000đồng.

Như vậy tổng số tiền V và Đ đánh bạc với nhau là 8.482.200đồng + 16.000.000đồng + 22.547.900đồng + 19.810.000đồng + 1.600.000đồng = 68.440.100đồng.

8. Đinh Trọng B1 dùng điện thoại di động số 01627.716.641 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 03 số = 2.200.000đồng.

- Lô điểm: 04 số = 1.400 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 30.380.000đồng.

Tổng số là 32.580.000đồng.

B1 trúng số lô 98 với số tiền là 32.000.000đồng.

Như vậy tổng số tiền B1 đánh bạc với Đ là 32.580.000đồng + 32.000.000đồng = 64.580.000đồng.

9. Nguyễn Việt H1 dùng điện thoại di động số 0913.678.468 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01626.790.110 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ cụ thể:

- Số đề: 14 số = 28.300.000đồng. Ba càng: 01 số = 200.000đồng.

Như vậy tổng số tiền H1 đánh bạc với Đ là 28.500.000đồng. H1 không trúng số.

10. Diu Văn T6 dùng điện thoại di động số 01974.579.789 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 10 số = 300.000đồng. Ba càng: 02 số = 100.000đồng.

- Lô điểm: 27 số = 570 điểm x 21.700 đồng/1 điểm = 12.369.000đồng.

Tổng số là 12.769.000đồng.

T6 trúng số lô 16, 36, 42, 62, 77, 82 với số tiền là 7.200.000đồng.

Như vậy tổng số tiền T6 đánh bạc với Đ là 12.769.000đồng + 7.200.000đồng = 19.969.000đồng.

11. Trần Quang T7 dùng điện thoại di động số 01669.521.170 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01638.054.416 của B để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với B, sau đó B chuyển số và tiền đánh với Đ cụ thể:

- Số đề: 03 số = 1.040.000đồng. Ba càng: 01 số = 220.000đồng.

- Lô điểm: 02 số = 183 điểm x 22.000đồng/1 điểm = 4.026.000đồng.

- Lô xiên 2: 02 số = 600.000đồng.

Tổng số là 5.886.000đồng.

T7 trúng số đề 65 với số tiền 2.100.000đồng; trúng số lô 33 với số tiền là 5.200.000đồng.

Như vậy tổng số tiền T7 đánh bạc với B là 5.886.000đồng + 2.100.000đồng + 5.200.000đồng = 13.186.000đồng.

12. Nguyễn Văn B2 dùng điện thoại di động số 0988.818.046 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01638.054.416 của B để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với B, sau đó B chuyển số và tiền đánh với Đ cụ thể:

- Số đề: 01 số = 710.000đồng.

- Lô điểm: 02 số = 110 điểm x 22.000đồng/1 điểm = 2.420.000đồng.

- Lô xiên 3: 03 số = 80.000đồng.

Tổng số là 3.210.000đồng.

B2 trúng số lô 33 với số tiền là 2.080.000đồng.

Như vậy tổng số tiền B2 đánh bạc với B là 3.210.000đồng + 2.080.000đồng = 5.290.000đồng.

13. Hoàng Đức L dùng điện thoại di động số 01658.206.383 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 14 số = 990.000đồng.

Lợi trúng số đề 65 với số tiền là 1.400.000đồng.

Như vậy tổng số tiền L đánh bạc với Đ là 2.390.000đồng.

14. Nguyễn Tiến G dùng điện thoại di động số 0966.267.812 gửi tin nhắn vào điện thoại di động số 01664.171.579 của Đ để đánh bạc (mua số lô, số đề) trái phép với Đ, cụ thể:

- Số đề: 01 số = 100.000đồng.

- Lô điểm: 02 số = 10 điểm x 21.700đồng/1 điểm = 217.000đồng.

Tổng số tiền G đánh bạc với Đ 317.000 đồng. G không trúng số.

* Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, theo bảng đề gửi qua tin nhắn vào điện thoại di động của Đ (do D là người giúp Đ sử dụng) ngày 12/7/2018 là **559.166.800đồng**; số tiền các bị cáo đánh bạc trúng số lô, số đề là **538.840.000đồng**; số tiền này các bị cáo chưa thanh toán cho nhau thì bị Công an huyện T phát hiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1, Đặng Ngọc T2, Nguyễn Tân Q, Bùi Hoàng A, Nguyễn Văn D, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Đinh Trọng B1, Nguyễn Việt H1, Dìu Văn T6, Trần Quang T7 và Nguyễn Văn B2 phạm tội Đánh bạc.

1. Bị cáo Vũ Thọ H: Căn cứ vào điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm s, điểm t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thọ H 03 năm 09 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 15.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

2. Bị cáo Trần Minh Đ: Căn cứ vào điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 03 năm 09 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 15.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

3. Bị cáo Nguyễn Anh T: Căn cứ vào điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 03 năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 29/10/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

4. Bị cáo Lê Tài Phúc T1: Căn cứ vào điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tài Phúc T1 03 năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2018 đến ngày 28/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

5. Bị cáo Đặng Ngọc T2: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T2 03 năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2018 đến ngày 20/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

6. Bị cáo Đỗ Xuân B: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân B 03 năm 03 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 17/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

7. Bị cáo Nguyễn Hữu T3: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T3 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

8. Bị cáo Bùi Mạnh T4: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T4 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

9. Bị cáo Hoàng Quốc P: Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 321; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc P 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

10. Bị cáo Trần Mạnh T5: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T5 03 năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 04/01/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

11. Bị cáo Trương Quang V: Căn cứ điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Quang V 03 năm tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2018 đến ngày 27/9/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

12. Bị cáo Trần Quang T7: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quang T7 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

13. Bị cáo Nguyễn Văn B2: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B2 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 06 bị cáo khác từ 09 (chín) tháng tù đến 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, bị cáo Trương Quang V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt, bị cáo Trần Mạnh T5 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, bị cáo Đỗ Xuân B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn B2, Trần Quang T7 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo và cải tạo tại địa phương.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, bị cáo Vũ Thọ H, Hoàng Quốc P, Nguyễn Anh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Đặng Ngọc T2 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, bị cáo Trần Minh Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, các bị cáo Bùi Mạnh T4, Nguyễn Hữu T3, Lê Tài Phúc T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt, hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Mạnh T5 bổ sung kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Hoàng Quốc P và Trương Quang V xin được hưởng án treo. Các bị cáo khác giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt Vũ Thọ H 03 năm 09 tháng tù, Trần Minh Đ 03 năm 09 tháng tù, Nguyễn Anh T 03 năm tù, Lê Tài Phúc T1 03 năm tù, Đặng Ngọc T2 03 năm tù, Đỗ Xuân B 03 năm 03 tháng tù, Nguyễn Hữu T3 03 năm tù, Bùi Mạnh T4 03 năm tù, Hoàng Quốc P 03 năm tù, Trần Mạnh T5 03 năm tù, Trương Quang V 03 năm tù, Trần Quang T7 07 tháng tù, Nguyễn Văn B2 06 tháng tù. Phạt tiền: 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ; 12.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1, Đặng Ngọc T2, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Trần Mạnh T5; 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều có tình tiết mới. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh T, Trần Mạnh T5, Đỗ Xuân B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thọ H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Đ từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 29/10/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Xuân B, Trần Mạnh T5.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân B từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 17/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh T5 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 04/01/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

* Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang theo hướng giảm hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Tài Phúc T1 và Đặng Ngọc T2.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tài Phúc T1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc T2 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T3 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Mạnh T4 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Quốc P từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quang V từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B2.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang T7 07 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B2 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên thời gian thử thách và giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định.

Về biện pháp cưỡng chế: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Hoàng Quốc P, Đỗ Xuân B.

Ghi nhận các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Xuân B số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 09/4/2019.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để sớm hòa nhập với cộng đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1, Đặng Ngọc T2, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 12/7/2019, các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1, Bùi Hoàng A, Nguyễn Tân Q và Đặng Ngọc T2 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép với nhiều người qua điện thoại di động và thỏa thuận nếu thắng bạc thì được hưởng, thua bạc thì phải chịu theo tỷ lệ thỏa thuận: H 39%; Đ 10%; T 11%; T1 11%; A 10%; Q 10%; T2 9%; số % này được tính trên tổng số tiền sau khi tổng hợp đã tính thắng, thua hàng ngày. H là người chia tỷ lệ % cho mọi người; Đ là người trực tiếp thực hiện sử dụng điện thoại di động, có cài đặt phần mềm lotopro (phần mềm do Đ mua trên mạng Internet tải về cài vào điện thoại di động của Đ) để mua, bán số lô, số đề trái phép (nhận bằng đề) hàng ngày và thanh toán tiền với các đối tượng mua số lô, số đề. Phần mềm lotopro sẽ tự động tổng hợp các số lô, số đề và số tiền đã mua, bán trong ngày, tính số tiền trúng thưởng, số tiền thắng, thua của từng người mua lô, đề. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, Đ tổng hợp lại số tiền của từng người đã mua số lô, số đề với Đ, số tiền trúng thưởng của từng người đánh đề để chuyển tin nhắn qua điện thoại di động cho H tính số tiền thắng, thua. Sau đó, H chuyển lại cho Đ để thanh toán cho những người đánh trúng số lô, số đề. Hàng tuần, H giúp Đ tổng hợp số tiền thắng, thua từ việc làm chủ lô, đề để Đ thanh toán

với T, T1, A, Q, T2. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc theo bảng đề gửi qua tin nhắn vào điện thoại di động của Đ (do D là người giúp Đức sử dụng) ngày 12/7/2018 là 559.166.800đồng; số tiền các bị cáo đánh bạc trúng số lô, số đề là 538.840.000đồng. Các bị cáo H, Đ, T, T1, A, Q, T2, D phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 1.098.006.800đồng (bị cáo D là người giúp sức cho bị cáo Đ). Các bị cáo Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V là các thư ký ghi số lô, số đề chuyển tin nhắn vào điện thoại di động cho bị cáo Đ; nhưng không chứng minh được đã ghi số lô, số đề cho những ai, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đánh bạc như sau: Đỗ Xuân B 419.255.800 đồng; Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4 sử dụng 294.430.000 đồng (bị cáo T4 là người giúp sức cho bị cáo T3); bị cáo Hoàng Quốc P 106.440.000đồng; bị cáo Trần Mạnh T5 93.684.900đồng; bị cáo Trương Quang V 68.440.100đồng; bị cáo Trần Quang T7 13.186.000đồng; bị cáo Nguyễn Văn B2 5.290.000đồng.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép với nhiều người qua điện thoại di động được thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính, hành vi đó gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác phát triển. Vai trò, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo cụ thể như sau:

[2.1] Đối với các bị cáo Trần Minh Đ, Vũ Thọ H, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1 và Đặng Ngọc T2 phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 1.098.006.800đồng. Bị cáo Trần Minh Đ là người trực tiếp thực hiện, bị cáo Nguyễn Văn D là người giúp sức cho bị cáo Đ; các bị cáo Vũ Thọ H, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1 và Đặng Ngọc T2 là đồng phạm trong việc thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ăn chia tỷ lệ % như đã thoả thuận từ trước, trong đó bị cáo H là người chia tỷ lệ % cho các bị cáo. Các bị cáo T, T1 và T2 đều biết rõ bị cáo H là người mua bán số lô, số đề có tỷ lệ % cao nên chủ động xin lại tỷ lệ % này với mục đích hưởng lợi từ việc mua bán số lô, số đề trái phép, đồng thời cũng chịu trách nhiệm theo tỷ lệ % khi bị thua số lô, số đề. Tòa án áp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T trong thời gian được tại ngoại đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, T, T1, T2 đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lời bất chính. Bị cáo H nhận thấy bản thân đã vi phạm pháp luật và tỏ ra ăn năn hối cải nên tự nguyện nộp tiền để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo H, T, T2 và sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo H có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Bị cáo T1 có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; gia đình bị cáo T1 là gia đình thờ cúng Liệt sỹ.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Lê Tài Phúc T1 và Đặng Ngọc T2 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Phạm tội có tổ chức, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với các bị cáo Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V là các thư ký ghi số lô, số đề chuyển tin nhắn vào điện thoại di động cho bị cáo Đức, bị cáo Bùi Mạnh T4 là giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu T3 nhắn tin cho bị cáo Đ, cụ thể số tiền: Bị cáo Đỗ Xuân B số tiền 419.255.800đồng (trong đó có 13.186.000đồng của bị cáo Trần Quang T7 và 5.290.000đồng của bị cáo Nguyễn Văn B2); bị cáo Nguyễn Hữu T3 số tiền 294.430.000đồng (do bị cáo Bùi Mạnh T4 là giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu T3 nhắn tin cho bị cáo Đ); bị cáo Hoàng Quốc P số tiền 106.440.000đồng; bị cáo Trần Mạnh T5 số tiền 93.684.900đồng; bị cáo Trương Quang V số tiền 68.440.100đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo này như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đỗ Xuân B, Trương Quang V trong thời gian được tại ngoại đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Quang T7 và Nguyễn Văn B2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu T3, Trần Mạnh T5 và sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Các bị cáo Đỗ Xuân B và Trần Mạnh T5 có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo xuất trình tình tiết mới:

Bị cáo Vũ Thọ H nộp đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận, biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 15.200.000 đồng.

Bị cáo Trần Minh Đ nộp đơn đề nghị được chính quyền địa phương xác nhận, biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 15.200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Anh T nộp đơn xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương và biên lai nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng.

Bị cáo Lê Tài Phúc T1 nộp đơn xin xác nhận bị cáo đã cung cấp thông tin cho Đội Hình sự Công an huyện T, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng. Đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương; xác nhận của Trường Tiểu học B, huyện T; bố đẻ bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và hiện đang thờ cúng liệt sỹ.

Bị cáo Đặng Ngọc T2 nộp đơn xin hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận, biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000 đồng; Công văn số 425/CV-CQĐT ngày 29/7/2019 của Công an huyện Y đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ lập công chuộc tội; có ông ngoại là Đỗ Văn T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo Đỗ Xuân B nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu T3 nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng, đơn xin hưởng án treo được Công an thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác nhận, Công văn số 1036/CSHS ngày 23/8/2019 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ lập công chuộc tội.

Bị cáo Bùi Mạnh T4 nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng, đơn xin hưởng án treo được Công an thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác nhận, đơn xin hưởng án treo được Công an xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác nhận có đăng ký tạm trú; Công văn số 1037/CSHS ngày 23/8/2019 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ lập công chuộc tội; có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo Hoàng Quốc P nộp đơn xin được hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận, biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; đơn trình bày được Công an huyện C xác nhận ngày 03/6/2019, bị cáo đã báo cho Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện C về đối tượng Ma VB có biểu hiện tàng trữ chất ma túy, Công an huyện đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can.

Bị cáo Trần Mạnh T5 nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000 đồng, đơn xin xác nhận bị cáo đã cung cấp thông tin về tội phạm cho Cơ quan điều tra có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, đơn đề nghị xin được cải tạo tại địa phương được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho bị cáo T5 được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Trương Quang V nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000 đồng; bố đẻ bị cáo là ông Trương Quang K có thời gian tham gia quân đội, đơn đề nghị được chính quyền địa phương xác nhận.

Bị cáo Trần Quang T7 nộp đơn xin giảm án được Công an xã V xác nhận có hộ khẩu thường trú, Biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000 đồng; Giấy chứng nhận bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến; có bố đẻ là thương binh hạng 4/4.

Bị cáo Nguyễn Văn B2 nộp biên lai nộp tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000 đồng, đơn xin giảm nhẹ hình phạt được Công an xã V xác nhận; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến

hạng Nhất; đơn xin xác nhận việc cung cấp thông tin về tội phạm cho Cơ quan điều tra có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Đối với các bị cáo H, Đ, là vai trò chính trong vụ án, nhưng tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới do vậy cần xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo là phù hợp.

Đối với các bị cáo Nguyễn Anh T, Trần Mạnh T5 tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bởi lẽ bị cáo T, Trần Mạnh T5 sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra lệnh truy nã; bị cáo T bị xử phạt vi phạm hành chính, thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính tính đến ngày phạm tội lần này chưa quá 06 tháng. Xong, xét các bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết mới nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kê là phù hợp.

Đối với bị cáo Đỗ Xuân B, tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng số tiền mua bán số lô, số đề nhiều hơn các bị cáo khác, vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo nhưng xem xét cho bị cáo được hưởng dưới khung hình phạt liên kê theo Điều 54 Bộ luật Hình sự là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Trương Quang V bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 26/3/2017 (phạt tiền 1.500.000đ) về hành vi đánh bạc, theo bị cáo khai: sau khi có hành vi vi phạm bị cáo đã đưa tiền nhờ cán bộ công an nộp hộ, bị cáo không trực tiếp đi nộp, bị cáo không được nhận Quyết định xử phạt hành chính nên không biết phải nộp ở đâu và cũng không được cơ quan, tổ chức nào đôn đốc yêu cầu bị cáo phải nộp phạt số tiền trên, đến khi phạm tội lần này bị cáo mới được điều tra viên thông báo số tiền bị xử phạt hành chính của ngày 26/3/2017, do đó ngày 12/9/2018 bị cáo mới nộp số tiền trên. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị cáo không được nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính là lỗi thuộc cơ quan đã ra quyết định xử phạt, không có biên bản giao cho bị cáo quyết định xử phạt hành chính để xác định thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 70, 74 Luật xử lý vi phạm hành chính, do vậy cần xem xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Mặt khác, xét trong vụ án này bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, điều đó thể hiện sự tích cực, đã tỏ ra thật sự ăn năn hối cải, bị cáo tham gia đánh bạc là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, do vậy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe giáo dục.

Đối với bị cáo Trần Quang T7 và Nguyễn Văn B2 tham gia mua bán số lô, đề ít nhất trong vụ án (bị cáo T7 13.186.000đ, bị cáo B2 5.290.000đ là đồng phạm trong vụ án có vai trò không đáng kể và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét các lần bị xử phạt hành chính tính đến thời điểm phạm tội lần này đã quá 06 tháng, do vậy

không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cần giữ nguyên mức án sơ thẩm và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Xét các bị cáo Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú rõ ràng, xét không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử dưới khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm minh.

Trong vụ án này số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc mới chỉ được thực hiện qua việc nhắn tin mua bán số lô, số đề, chưa có việc thanh toán tiền cho nhau từ việc thắng thua nên các bị cáo chưa được hưởng lợi từ việc mua bán số lô, số đề.

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V, Trần Quang T7 và Nguyễn Văn B2; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T, Đỗ Xuân B, Trần Mạnh T5. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đỗ Xuân B, Trần Mạnh T5; giảm một phần hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V; giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với bị cáo Trần Quang T7 và Nguyễn Văn B2 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về lệnh phong tỏa tài khoản: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản của các bị cáo: Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Hoàng Quốc P. Xét các bị cáo này đã nộp đủ các khoản tiền phạt và án phí nên cần hủy Lệnh phong tỏa tài khoản đối với các bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Ghi nhận các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với số tiền 5.000.000đ bị cáo Đỗ Xuân B đã nộp ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trước khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên sau khi xét

xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ các khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm, vì vậy cần trả lại cho bị cáo số tiền trên.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh T, Trần Mạnh T5, Đỗ Xuân B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thọ H **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù về tội Đánh bạc, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh Đ **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù về tội Đánh bạc, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 05/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến ngày 29/10/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

1.3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Xuân B, Trần Mạnh T5.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân B **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến ngày 17/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh T5 **02** (hai) năm tù về tội Đánh bạc, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến ngày 04/01/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

2.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Tài Phúc T1 và Đặng Ngọc T2.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tài Phúc T1 **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Lê Tài Phúc T1 cho Ủy ban nhân dân phường M, huyện T, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc T2 **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Đặng Ngọc T2 cho Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T3 **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Nguyễn Hữu T3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Mạnh T4 **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Bùi Mạnh T4 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Quốc P **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 04 (năm) 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Hoàng Quốc P cho Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quang V **02** (hai) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc

thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Trương Quang V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với vị cáo Nguyễn Văn B2.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang T7 **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Trần Quang T7 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B2 **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/8/2019. Giao bị cáo Nguyễn Văn B2 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo Lê Tài Phúc T1, Đặng Ngọc T2, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo Lê Tài Phúc T1, Đặng Ngọc T2, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Vũ Thọ H đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 15.200.000đ (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0000493 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Trần Minh Đ đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 15.200.000đ (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0000494 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Anh T đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0000491 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Lê Tài Phúc T1 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0000497 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Đặng Ngọc T2 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tại các biên lai số 0000496 ngày 20/6/2019, số 0001229 ngày 20/8/2019, số 0001235 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Đỗ Xuân B đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001233 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hữu T3 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000495 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Bùi Mạnh T4 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001232 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Hoàng Quốc P đã nộp xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000492 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Trần Mạnh T5 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001230 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Trương Quang V đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001228 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Trần Quang T7 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001231 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn B2 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001234 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về biện pháp cưỡng chế: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy các Lệnh phong tỏa tài khoản sau đây:

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 34110001172*** mang tên Trần Minh Đ tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Tuyên Quang.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 103003276*** và 109001999*** mang tên Trần Minh Đ tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Tuyên Quang.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 03 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 104001608*** mang tên Đỗ Xuân B tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Tuyên Quang.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 04 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 108001323*** mang tên Nguyễn Anh T tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Tuyên Quang.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 05 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 103867254*** mang tên Hoàng Quốc P tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Tuyên Quang.

-Lệnh phong tỏa tài khoản số 06 ngày 16/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 103001741*** và các tài khoản khác mang tên Nguyễn Hữu T3 tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Tuyên Quang.

-Lệnh phong tỏa tài khoản số 07 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 34110006388*** mang tên Vũ Thọ H tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Tuyên Quang.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 08 ngày 15/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với số tài khoản 109867496*** mang tên Đặng Ngọc T2 tại Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Đô Thành Hà Nội.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 11 ngày 16/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với các tài khoản mang tên Lê Tài Phúc T1 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Tuyên Quang.

4. Về án phí: Các bị cáo Vũ Thọ H, Trần Minh Đ, Nguyễn Anh T, Đặng Ngọc T2, Lê Tài Phúc T1, Đỗ Xuân B, Nguyễn Hữu T3, Bùi Mạnh T4, Hoàng Quốc P, Trần Mạnh T5, Trương Quang V, Trần Quang T7, Nguyễn Văn B2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Xuân B 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại biên lai số 0000485 ngày 09/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/8/2019./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn